

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2018.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trịnh Hữu Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 11/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: khu dân cư M H, xã M H, huyện C L, Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lâm Trường G**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: khu dân cư M H, xã M H, huyện C L, Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh G vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:* Chị và anh Lâm Trường G kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M H vào ngày 13/8/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh G thường xuyên uống rượu và đánh chị. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh G vẫn không sửa đổi, hiện nay chị và anh G đã không còn sống chung, không còn

quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Tấn P, sinh ngày 12/9/2010, hiện con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải bị đơn anh Lâm Trường G trình bày:* Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương chị T và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Tấn P, sinh ngày 12/9/2010, hiện con chung đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy CMND + sổ hộ khẩu (photo);
- Giấy khai sinh con chung (bản sao);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Bản tự khai ngày 13/8/2018 của cháu Lâm Tấn P (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Trường G nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M H, huyện C L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Lâm Trường G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Lâm Trường G chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H vào năm 2014 nên hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp. Tuy nhiên, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay chị T và anh G đã không còn sống chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh G là có căn cứ, bởi lẽ: Tại buổi hòa giải anh G thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm lẫn nhau và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Còn việc, anh G cho rằng hiện nay anh vẫn còn thương chị T và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn, nhưng anh G không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị T cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh G. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh G là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Tấn P, sinh ngày 12/9/2010, hiện con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Còn anh G cho rằng nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc yêu cầu của chị T là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại buổi hòa giải cả chị T và anh G đều thừa nhận hiện nay con chung (cháu Lâm Tấn P) đang sống chung với chị T, đồng thời tại bản tự khai cháu P cũng xác định khi cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu P là được sống chung với chị T. Mặt khác, để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định cũng như việc P triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu P nên cần tiếp tục để cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Còn việc chị T yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi cũng phù hợp với pháp luật vì theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 là phù hợp nên chấp nhận. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Còn đối với yêu cầu của anh G là không được chấp nhận (như đã phân tích ở trên).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh G thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 04700 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Lâm Trường G phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Lâm Trường G.

- Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Tấn P, sinh ngày 12/9/2010. Anh Lâm Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1/2 tháng lương cơ sở tại từng thời điểm, thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 9 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Lâm Trường G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh G thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 04700 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Lâm Trường G phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15

(Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã M H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trịnh Hữu Chinh**